

Bản án số: 180/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2024
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 376/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Số A tổ I, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số A tổ I, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001, chị và anh Nguyễn Văn X tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức

đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177, quyển số 01-2002 ngày 09/12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại tổ I, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đến khoảng đầu năm 2024, giữa chị và anh X thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị đã cho anh X nhiều cơ hội, nhưng anh X vẫn không thay đổi và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Vì các lý do trên, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh X.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh X có ba người con chung tên Nguyễn Văn Thanh T, sinh ngày 09/10/2002; Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 29/3/2007 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2017. Hiện nay, con tên Thanh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con tên Hà M, Thanh Điền chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con. Còn về trách nhiệm làm cha của anh X, anh muốn cho con gì cho, chị không có ý kiến gì.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Chị và anh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X trình bày tại phiên họp hòa giải như sau:

Anh thống nhất lời trình bày của chị C về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa vợ chồng anh chị là đúng. Nhưng đối với mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, anh có ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Mỹ C.

- *Về quan hệ con chung*: Anh và chị C có ba con chung tên Nguyễn Văn Thanh T, sinh ngày 09/10/2002; Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 29/3/2007 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2017. Hiện nay, con tên Thanh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con tên Hà M, Thanh Đ từ khi ly thân, thì hai con ở gia đình bên ngoài. Nên anh thống nhất để hai con ở với gia đình bên ngoài, anh không cấp dưỡng nuôi con, nhưng khi anh có tiền, anh sẽ cho con theo khả năng của mình.

- *Về quan hệ tài sản chung*: A và chị C tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn X;

- Về quan hệ con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 29/3/2007 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2017 đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Mỹ C;

- Về quan hệ con chung: Anh đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 29/3/2007 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2017 cho chị Huỳnh Thị Mỹ C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh sẽ cho con theo khả năng của mình.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Mỹ C xin được ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Văn X. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn X có nơi cư trú tại tổ I, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn X tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177, quyển số 01-2002 ngày 09/12/2002. Như vậy, hôn nhân giữa chị C và anh X là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị C về việc xin ly hôn với anh X thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị C và anh X có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị đã cho anh X nhiều cơ hội, nhưng anh X vẫn không thay đổi và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Còn anh X cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị C không lớn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị C.

Tuy nhiên, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị C và anh X, anh chị đã ly thân gần một năm nay, chị C không còn tình cảm, không muốn hàn gắn và không muốn sống chung với anh X, nên mối quan hệ này không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy, anh chị không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc. Đồng thời, anh X cũng xác định trong thời gian chị C và anh X sống ly thân với nhau, thì giữa chị C và anh X không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Do đó, HĐXX xét thấy mục đích hôn nhân của chị C và anh X không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C và cho chị C được ly hôn với anh X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống với nhau, chị C và anh X có ba người con chung tên Nguyễn Văn Thanh T, sinh ngày 09/10/2002; Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 29/3/2007 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2017. Hiện nay, con tên Thanh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con tên Hà M, Thanh Điền chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con. Còn về trách nhiệm làm cha của anh X, anh muốn cho con gì cho, chị không có ý kiến gì.

HĐXX xét thấy, từ khi chị C và anh X sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chị C là người nuôi dưỡng cháu Hà M, Thanh Đ, hiện hai cháu vẫn phát triển bình thường. Cháu Hà M, Thanh Đ có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ, khi cha mẹ không còn sống chung với nhau. Đồng thời anh C thống nhất để hai con ở với gia đình bên ngoại Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm

giúp cháu Hà M, Thanh Đ phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giữ nguyên người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung:* Chị C và anh X thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

Về nợ chung: Chị C và anh X xác định anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Huỳnh Thị Mỹ C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ C được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu tên Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 29/3/2007 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2017 tiếp tục cho chị Huỳnh Thị Mỹ C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Huỳnh Thị Mỹ C nuôi con; anh Nguyễn Văn X được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn X thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn X xác định giữa anh chị không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009588 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Huỳnh Thị Mỹ C không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2024); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND thị trấn Hòn Đất,
Hòn Đất, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh Huy

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.